

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 249/KH-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan
nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng
tỉnh Kiên Giang, năm 2022**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ: Về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Thực hiện Công văn số 3570/BTTTT-THH ngày 16/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin giai đoạn 2022.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Kiên Giang năm 2022, cụ thể như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG
NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2021

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

- Chương trình hành động số 64-CTr/TU ngày 09/9/2015 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/12/2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Kiên Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế ứng dụng “Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 22/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Kiên Giang;

- Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 2156/KH-UBND ngày 07/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang.

Tỉnh Kiên Giang đã kịp thời cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo quan trọng của Trung ương, từ đó tạo môi trường pháp lý đầy đủ để triển khai nhiệm vụ ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn, góp phần nâng cao nhận thức về vai trò của công tác ứng dụng CNTT đối với các cấp, các ngành và địa phương. Nhiều cơ quan, đơn vị đã chủ động triển khai các phần việc, nhiệm vụ về đẩy mạnh ứng dụng CNTT tại đơn vị góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tiết kiệm thời gian, chi phí, hiện đại hóa cải cách hành chính.

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Hạ tầng CNTT các cơ quan nhà nước được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được trang bị máy tính sử dụng trong công việc bình quân đạt 99%. Trong đó, cấp tỉnh và cấp huyện đạt 100%, cấp xã tỷ lệ này đạt 98%.

Đến nay, 100% các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn có mạng nội bộ và kết nối Internet. Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đã kết nối cho 100% các sở ngành tỉnh, UBND cấp huyện (đang triển khai đến 100% đơn vị cấp xã, dự kiến đưa vào khai thác trong năm 2022). 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện đã trang bị thiết bị tường lửa nhằm nâng cao năng lực, chất lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh và đảm bảo an toàn thông tin.

Hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm dữ liệu với 33 máy chủ vật lý (trên 150 máy chủ ảo hóa); Hệ thống bảo mật, an ninh bao gồm 01 thiết bị phòng chống tấn công DDOS, 04 thiết bị tường lửa trung tâm, 02 thiết bị tường lửa ứng dụng web, 01 thiết bị chống thư rác, hệ thống lưu trữ tập trung SAN (dung lượng 330 TB), hệ thống lưu trữ dự phòng Tape Backup (dung lượng 60 TB), hệ thống cân bằng tải đường truyền (Link balancer), hệ thống máy lạnh chính xác, hệ thống giám sát an ninh phòng máy, hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, hệ thống chống sét, hệ thống lưu điện 80 KVA và một số thiết bị khác; Tổng dung lượng kết nối Internet tại Trung tâm dữ liệu là 600 Mbps (02 leased line 300 Mbps); Cung cấp dịch vụ ảo hóa máy chủ trên nền Điện toán đám mây (Cloud Computing).

III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG

Tỉnh đã hoàn thiện đưa vào hoạt động nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh (LGSP), triển khai các dịch vụ nền tảng: đăng nhập một lần (SSO) cho các hệ thống thông tin tỉnh đã triển khai; tích hợp, chia sẻ, kết nối liên thông trao đổi dữ liệu với các hệ thống thông tin trong tỉnh, kết nối vào nền tảng chia sẻ, liên thông dữ liệu Quốc gia (NGSP)) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu thông tin thông suốt với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành, Trung ương.

IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

Xác định dữ liệu là yếu tố trọng tâm để phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Trong những năm qua, các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tăng cường triển khai, ứng dụng nhiều HTTT, từng bước xây dựng các CSDL chuyên ngành, CSDL dùng chung của tỉnh, tiến hành chuẩn hóa nhằm cung cấp rộng rãi, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan nhà nước, tạo thuận lợi tối đa cho lưu thông dữ liệu trong tiến trình xây dựng Chính quyền điện tử. Các hệ thống thông tin tiêu biểu:

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (đã có 1.109.445 lượt văn bản luân chuyển giữa 542 cơ quan hành chính). Hệ thống thư điện tử tỉnh (hệ thống có tổng dung lượng lưu trữ lên đến 5TB, lưu trữ thông tin trao đổi công việc giữa CBCCVC các cơ quan trên địa bàn tỉnh). Hệ thống cổng thông tin điện tử tỉnh và các cổng thành phần (trung bình mỗi năm có trên 25.000 tin, bài được đăng tải và lưu trữ tập trung).

- Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (hiện đang lưu trữ 385.897 hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; dữ liệu thông tin của hơn 309.276 công dân, tổ chức và 3.326 tài khoản công dân trực tuyến).

- Năm 2021 tỉnh Kiên Giang hoàn thiện một số cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực trọng điểm trên nền Hệ thống thông tin địa lý (GIS – bản đồ) dùng chung của tỉnh, gồm các lĩnh vực: Giao thông, y tế, giáo dục, xây dựng, môi trường, viễn thông, cấp nước, điện lực, nông nghiệp, văn hóa - xã hội, du lịch...

- *Ngành Tài nguyên và Môi trường*: Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong xây dựng và triển khai các Hệ thống thông tin công khai thông tin về tài nguyên và môi trường, xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai. Triển khai hệ thống liên thông xử lý thủ tục hành chính (TTHC) liên thông lĩnh vực đất đai từ Văn phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh tại các huyện, thành phố; cơ sở dữ liệu biển, đảo tỉnh Kiên Giang.

- *Ngành Y tế*: Ứng dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh tại các Bệnh viện, Trung tâm y tế, Trạm y tế... qua đó giúp ngành thực hiện tốt công tác quản lý bệnh nhân, quản lý thuốc, khám chữa bệnh trên phạm vi toàn tỉnh... từng bước hình thành và phát triển cơ sở dữ liệu (CSDL) toàn diện ngành y tế.

- *Ngành Tư pháp*: Đã ứng dụng CNTT trong xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và chương trình quản lý hộ tịch đến cấp xã, hệ thống cơ sở dữ liệu về hợp đồng, giao dịch đã được công chứng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, phần mềm quản lý hộ tịch.

- *Ngành Kế hoạch - Đầu tư*: Đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng HTTT về hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- *Ngành Nội vụ*: Đã triển khai hệ thống phần mềm quản lý thi đua khen thưởng, phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm chấm điểm

cải cách hành chính; CSDL lưu trữ lịch sử tỉnh Kiên Giang.

- *Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*: Hệ thống quan trắc môi trường nước tự động phục vụ nuôi trồng thủy sản kết hợp với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- *Ngành Giáo dục và Đào tạo*: Đã triển khai sử dụng đồng bộ các giải pháp, phần mềm ứng dụng trong toàn ngành: Phần mềm quản lý trường học, sổ liên lạc điện tử, Phần mềm quản lý nhân sự ngành giáo dục, Quản lý thống kê giáo dục.

- *Ngành Tài chính*: Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc tích hợp (TABMIS) phục vụ quản lý công tác tài chính kế toán đến cấp xã; phần mềm quản lý ngân sách các cấp; cấp mã số đối tượng quan hệ ngân sách nhà nước; cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh.

- *Ngành Dân tộc*: Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Kiên Giang.

V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

1. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ

Tỉnh Kiên Giang triển khai Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (QLVB&HSCV) dùng chung cho tất cả các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, đảm bảo liên thông 4 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Bao gồm 22 đơn vị sở, ban, ngành cấp tỉnh; 15 đơn vị cấp huyện; 145 đơn vị cấp xã và 327 phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; đồng thời liên thông trực liên thông văn bản quốc gia, đến tháng 12/2021, văn bản được gửi/nhận ở cả 3 cấp trên toàn hệ thống trong năm là 1.109.445 lượt.

Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến: Đã đầu tư hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Kiên Giang với 22 điểm cầu đặt tại: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và 15 huyện, thành phố. Bên cạnh đó, tỉnh đã triển khai hệ thống hội nghị truyền hình cho 71 đơn vị cấp xã thuộc 08 huyện Kiên Hải, An Minh, Giang Thành, Vĩnh Thuận, Phú Quốc và Giồng Riềng, Hà Tiên, An Biên nâng tổng số các đơn vị được triển khai hội nghị truyền hình trực tuyến toàn tỉnh là 93 điểm cầu. Đồng thời, việc triển khai giải pháp hợp mềm (băng ứng dụng) đã giúp cho tỉnh có thể họp liên thông đến 100% cơ quan cấp xã.

Hệ thống Camera quan sát trực tuyến triển khai 15/15 bộ phận một cửa cấp huyện làm cơ sở cho việc giám sát thực thi công vụ và kịp thời chấn chỉnh phong cách và lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức khi tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp. Ngoài ra, tỉnh Kiên Giang đã triển khai hệ thống camera giám sát cho 100% các khu cách ly tập trung phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh (57 khu cách ly)

Hệ thống Cổng thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh Kiên Giang (kiengiang.gov.vn) được xây dựng theo mô hình đồng bộ về công nghệ, liên thông về dữ liệu, thông tin, gồm: 01 Cổng chính và 51 Cổng thành phần, trong đó có 22

Cổng TTĐT của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; 15 Cổng TTĐT các huyện, thành phố và 14 Cổng TTĐT các xã, phường, thị trấn; đáp ứng đầy đủ về danh mục và tin tức theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Đến tháng 12/2021, đã có 5.554.342 lượt truy cập, gần 3.864 tin tức, sự kiện được đăng tải trên cổng chính kiengiang.gov.vn.

Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh hoạt động với 4.926 tài khoản của các cơ quan nhà nước, CBCCVC. Việc khai thác và sử dụng thư điện tử trong công vụ trong công việc được tuân thủ tốt theo quy chế, quy định của tỉnh.

Chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ, đến tháng 12/2021 có 1.844 chứng thư số được cấp. Trong đó, có 1.432 chứng thư số của cá nhân và 412 của tổ chức. Các đơn vị sự nghiệp công lập từng bước sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ trong việc ký ban hành văn bản, giao dịch với Kho bạc, Bảo hiểm xã hội...

2. Ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Phần mềm một cửa điện tử được triển khai đồng bộ đến 100% các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng ngày càng mang lại hiệu quả tích cực.

Tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/12/2021, hệ thống đã tiếp nhận và xử lý 162.014 hồ sơ TTHC, trong đó có 273 hồ sơ thực hiện trực tuyến mức độ 3 và 13.163 hồ sơ trực tuyến mức độ 4 (không thống kê các hồ sơ trực tuyến trên hệ thống thông tin ngành dọc).

Đã cập nhật 100% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước trên địa bàn từ cấp tỉnh đến cấp xã, hoàn thành chuẩn hóa và đồng bộ giữa Cổng Dịch vụ công tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia tổng số 1.928 TTHC, trong đó DVC trực tuyến mức độ 4 là 1.149 TTHC (chiếm 60%); DVC trực tuyến mức độ 3 là 232 TTHC (chiếm 12%); 547 TTHC còn lại đều được cung cấp mức độ 2.

- Đã hoàn thành việc kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh và hoàn thành kết nối liên thông Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đến nay, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) đã tích hợp, kết nối với nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NGSP), gồm: Cơ sở dữ liệu Bảo hiểm xã hội; dịch vụ kết nối bưu chính công ích; cơ sở dữ liệu doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); kết nối Hệ thống Tư pháp - Hộ tịch, Hệ thống Lý lịch tư pháp (Bộ Tư pháp); dịch vụ cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ ngân sách (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu Dân cư (Bộ Công an). Kết nối nội bộ địa phương, gồm: Cổng Dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh, cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể (Sở Kế hoạch và Đầu tư).

- Hoàn thành chức năng đăng nhập một lần (SSO) cho hệ thống thư điện tử công vụ và Cổng Dịch vụ công của tỉnh, hướng đến mục tiêu sử dụng đồng bộ 01 tài khoản để truy cập tất cả các hệ thống dùng chung của tỉnh Kiên Giang.

- Hoàn thành kết nối thử nghiệm liên thông chia sẻ dữ liệu với Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư. Dịch vụ này giúp đối chiếu chính xác thông tin công dân giữa Cổng Dịch vụ công của tỉnh và Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư.

3. Ứng dụng CNTT phát triển Đô thị thông minh

Thời gian qua, tỉnh Kiên Giang đã xây dựng và triển khai thí điểm một số chương trình, dự án ứng dụng CNTT theo mô hình Đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể một số nội dung như sau:

- Triển khai đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin Trung tâm tích hợp dữ liệu Đô thị thông minh tỉnh Kiên Giang.

- Đầu tư các phân hệ đô thị thông minh an toàn và Trung tâm giám sát điều hành công an tỉnh.

- Triển khai hệ thống trạm quan trắc môi trường nước tự động phục vụ nuôi trồng thủy sản kết hợp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để triển khai Trường học thông minh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Triển khai hệ thống website tích hợp video thực tế ảo quảng bá hình ảnh du lịch, hệ thống mua vé trực tuyến, ứng dụng di động (Mobile App) và các hoạt động quảng bá hình ảnh du lịch.

- Triển khai thí điểm đề án xây dựng Thành phố thông minh Phú Quốc tỉnh Kiên Giang, giai đoạn 01, bao gồm các nội dung:

- + Xây dựng Chính quyền điện tử;
- + Hệ thống mạng không dây thông minh (Smart Wifi);
- + Hệ thống Camera giám sát;
- + Hệ thống Quản lý lưu trú trực tuyến;
- + Hệ thống Giám sát môi trường;
- + Hệ thống Quản lý du lịch;
- + Hệ thống Tổng đài tiếp nhận thông tin phản ánh về các vấn đề của Phú Quốc.

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được UBND tỉnh quan tâm. Đến nay, 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo tin học và các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn; Tỷ lệ CBCCVC thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc đạt 100%; tỷ lệ CBCCVC thường xuyên sử dụng internet để xử lý công việc đạt 100%.

Đa số các cơ quan đơn vị không có cán bộ chuyên trách CNTT, chủ yếu là cán bộ phụ trách kiêm nhiệm về CNTT. Tính đến tháng 10/2021, tổng số CBCC chuyên trách/phụ trách CNTT của tỉnh từ cấp huyện có 70 cán bộ phụ trách CNTT, trong đó 53 người cấp tỉnh và 17 người ở cấp huyện. Về chất lượng, hiện có 02 thạc sĩ, 61 đại học, 02 cao đẳng và 05 trung cấp làm việc trong các cơ quan nhà nước. Nhìn chung đội ngũ nhân lực phụ trách về CNTT cơ bản ổn định, đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

VII. AN TOÀN THÔNG TIN

- Trong những năm qua, tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác bảo đảm an toàn thông tin các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ban hành Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về quy chế quản lý, vận hành và khai thác Trung tâm dữ liệu tỉnh Kiên Giang nhằm đảm bảo các hệ thống thông tin được vận hành thông suốt, ổn định và an toàn thông tin, cụ thể một số hệ thống sau:

- + Cổng thông tin điện tử và các Cổng thông tin điện tử thành phần;
- + Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc;
- + Hệ thống thư điện tử công vụ;
- + Hệ thống Một cửa điện tử;
- + Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến;
- + Hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh.
- + Các hệ thống phần mềm quản lý chuyên ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp, Nội vụ, Tư pháp, Dân tộc.

- Triển khai xây dựng Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang (khai trương chính thức đưa vào vận hành từ ngày 09/10/2020) kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia nhằm thực hiện theo dõi, giám sát và đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh Kiên Giang, bao gồm các hạng mục chính như sau:

- Tỉnh đã hoàn thành việc triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp theo chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

+ “Lớp 1” Lực lượng tại chỗ: Tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử, trong đó kiêm nhiệm chức năng Ban Chỉ đạo ứng cứu khẩn cấp sự cố an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh; ban hành Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 về việc thành lập Đội ứng cứu sự cố máy tính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (với 19 thành viên thuộc các cơ quan, đơn vị trong tỉnh và đại diện của các đơn vị doanh nghiệp viễn thông – công nghệ thông tin: Viettel Kiên Giang, VNPT Kiên Giang). Ngoài ra, tỉnh cũng đã giao Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên trách về an toàn thông tin, tham

muu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

+ “Lớp 2” Tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp: Với các thành viên của Đội ứng cứu sự cố máy tính tại các cơ quan, đơn vị đã thực hiện trách nhiệm tự giám sát đối với các hệ thống thông tin do đơn vị mình quản lý. Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị trực tiếp thực hiện giám sát trực tiếp đối với hệ thống Trung tâm dữ liệu (TTDL) đang quản lý, vận hành và thực hiện nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra thực hiện giám sát theo quy định.

+ “Lớp 3” Tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ: Hàng năm, tỉnh Kiên Giang bố trí kinh phí tiến hành thuê đơn vị độc lập thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và kịp thời cập nhật, vá các lỗ hổng của hệ thống theo khuyến cáo.

+ “Lớp 4” Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia: Hoàn thành việc thực hiện công tác chia sẻ thông tin và giám sát quốc gia. Hiện nay, tỉnh đã cung cấp 128 IP và 100 tên miền con thuộc tên miền dùng chung của tỉnh đến Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia (VNCERT/CC) trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện giám sát, cảnh báo kịp thời để khắc phục sự cố (nếu có).

- Tình hình kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật: Thời gian qua, ngoài việc giao Sở Thông tin và Truyền thông trực tiếp theo dõi, kiểm tra (24/7) tình hình an toàn thông tin các hệ thống thông tin, tỉnh đã phối hợp với Trung tâm ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân Đội thực hiện đánh giá an toàn thông tin các hệ thống thông tin, đáp ứng theo yêu cầu của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT, bao gồm: Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh và các cổng thành phần; Hệ thống Thư điện tử công vụ của tỉnh; Cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử tỉnh.

- 100% máy tính của các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đã được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tỉnh đã tiến hành triển khai hệ thống phần mềm phòng, chống mã độc tập trung theo tinh thần Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 Thủ tướng Chính phủ. Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu thống kê tình hình lây nhiễm mã độc với hệ thống kỹ thuật của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông. Đến nay, hệ thống của tỉnh Kiên Giang đã chia sẻ 557 thông tin, dữ liệu về Virus, mã độc ở mức cao đến hệ thống kỹ thuật của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Thời gian qua, trong quá trình theo dõi, giám sát công tác đảm bảo an toàn thông tin của Trung tâm dữ liệu tỉnh, hàng năm đã phát hiện hơn 44.672.000 lượt tấn công gồm các hình thức từ đơn giản đến có quy mô và chủ đích: tấn công giả mạo, tấn công tổng hợp... 100% các lượt tấn công đã được ngăn chặn, đảm bảo an toàn hệ thống, an ninh thông tin.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cũng

đã được quan tâm, chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Thực hiện tuyên truyền về an toàn thông tin trên Cổng thông tin điện tử, phát hành các chuyên mục trên Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin năm 2006;
- Luật An toàn thông tin mạng;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;
- Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;
- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;
- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025”;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 22/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;

- Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 2156/KH-UBND ngày 07/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang.

Công văn số 3570/BTTTT-THH ngày 16/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022.

II. MỤC TIÊU CHUNG

- Đẩy mạnh phát triển ứng dụng CNTT trên tất cả các lĩnh vực, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước phục vụ người dân và doanh nghiệp. Nâng cao vị trí xếp hạng ICT Index của tỉnh Kiên Giang theo xếp hạng của Bộ Thông tin và Truyền thông về chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT và truyền thông, đáp ứng yêu cầu triển khai Chính quyền điện tử, chính quyền số của tỉnh.

- Hoàn thiện nền tảng Chính quyền điện tử của tỉnh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng Chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Kiên Giang gắn với xây dựng đô thị thông minh tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh đã được phê duyệt, cập nhật.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 80% báo cáo định kỳ về kinh tế - xã hội của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành. Triển khai, nâng cấp mở rộng hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống tham vấn chính sách, hệ thống thông tin phục vụ hội họp và xử lý công việc của UBND tỉnh đến cấp huyện, cấp xã.

- Đến cuối năm 2022, phấn đấu 100% các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện hội họp thông qua hệ thống Hội nghị trực tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hoàn thành nâng cấp hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh Kiên Giang, đảm bảo 100% cán bộ, công chức, viên chức được cấp và sử dụng.

- Nâng cấp nền tảng hệ thống Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang và các cổng thành phần.

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Chuẩn hóa các hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp, kết nối, chia sẻ dữ liệu Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến liên quan tới nhiều người dân và doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh được xác thực điện tử.

- Cung cấp 100% các dịch vụ công trực tuyến liên quan tới người dân, doanh nghiệp ở mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công tỉnh, phấn đấu đạt 50% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin từ cấp tỉnh tới cơ sở.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt 50%; 100% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; tích hợp 100% các dịch vụ công trực tuyến mức độ



3,4 của tỉnh với Công dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

3. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Tối thiểu 80% hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được lập hồ sơ xác định cấp độ và triển khai phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% các thiết bị đầu cuối được cài đặt các giải pháp phòng, chống mã độc.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin; kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Tiếp tục triển khai giám sát an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn an ninh mạng theo định kỳ; duy trì triển khai mô hình 4 lớp kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu thống kê tình hình lây nhiễm mã độc với hệ thống kỹ thuật của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông theo tinh thần Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam.

- Tiếp tục kiện toàn, bố trí cán bộ chuyên trách, phụ trách quản lý về an toàn thông tin cho các cơ quan, đơn vị.

- Phát huy vai trò của Đội ứng cứu sự cố máy tính tỉnh Kiên Giang; Tổ chức hỗ trợ ứng cứu, xử lý sự cố, tấn công mạng tại các cơ quan, đơn vị và huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; Tuyên truyền, tổ chức hỗ trợ ứng cứu, xử lý sự cố, tấn công mạng tại các cơ quan, đơn vị và huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Công Thông tin điện tử tỉnh;... tích cực thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng.

IV. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Tiếp tục ban hành, cập nhật các văn bản chỉ đạo, điều hành tạo hành lang pháp lý thuận lợi để triển khai thực hiện các ứng dụng và phát triển CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo mật trong công tác quản lý, điều hành công việc, trao đổi văn bản điện tử qua mạng của các cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các

cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị, góp phần xây dựng Chính quyền điện tử/Chính quyền số tỉnh Kiên Giang.

- Tiếp tục duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính phủ số theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước; Quy chế, quy định gắn kết chặt chẽ hoạt động ứng dụng CNTT của tổ chức, của cán bộ, công chức với công tác bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện, phát triển hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan Nhà nước: Trung tâm dữ liệu tỉnh; trang thiết bị CNTT; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao;... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh, hướng tới hình thành hạ tầng số cho Chính quyền số tỉnh Kiên Giang.

- Triển khai sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, xác định đây là hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin Chính quyền điện tử và liên thông, chia sẻ dữ liệu từ cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

- Tiếp tục triển khai mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Kiên Giang tới cấp xã, phường, thị trấn.

- Từng bước xây dựng để hình thành mô hình thành phố thông minh tỉnh Kiên Giang tạo nền tảng, bước đệm, cơ sở hạ tầng cho phát triển các thành phần liên quan của đô thị thông minh.

- Bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh nhằm đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, kết nối, an toàn thông tin, duy trì hoạt động thông suốt các phần mềm dùng chung phục vụ triển khai phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

- Phát triển và hoàn thiện nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP - Local Government Service Platform), tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và các cơ quan liên quan thực hiện kết nối các HTTT và CSDL của các bộ, ngành với tầng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) của tỉnh.

- Tiếp tục xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng Chính quyền điện tử/Chính quyền số tỉnh Kiên Giang gắn với xây dựng Đô thị thông minh tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh đã được phê duyệt, cập nhật.

4. Phát triển dữ liệu

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng kho dữ liệu của tỉnh, kho dữ liệu công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp công dân, tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

- Sử dụng hiệu quả Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, bảo đảm kết nối liên thông, thông suốt để thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử tới các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và các nội dung khác theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước....

- Tích cực sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Kiên Giang phục vụ trao đổi công việc giữa các cơ quan nhà nước.

- Tăng cường sử dụng Hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh Kiên Giang phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp.

- Hoàn thiện và sử dụng có hiệu quả Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Đảm bảo và duy trì hoạt động ổn định Cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang và các Cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; tạo môi trường giao tiếp giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền;...

- Tiếp tục đẩy mạnh và sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh Kiên Giang để cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt Quy chế Quản

lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống một cửa điện tử nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công của các cơ quan nhà nước, đảm bảo phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, hướng tới số hóa hồ sơ, giấy tờ, chuyển hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản giấy, giao dịch trực tiếp sang hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản điện tử, giao dịch điện tử và cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc vào thời gian, địa giới hành chính; triển khai các giải pháp thực hiện nhằm tăng số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết TTHC qua mạng.

- Duy trì kết nối giữa Cổng dịch vụ công của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia, đảm bảo thực hiện cung cấp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến, đặc biệt là các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp; tiếp tục tích hợp, cung cấp các DVCTT của tỉnh trên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo lộ trình và chỉ đạo của Chính phủ.

- Thực hiện tốt Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tích cực công tác phổ biến, tuyên truyền tới người dân, doanh nghiệp và các cán bộ công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương về thực hiện cung cấp DVCTT, thực hiện TTHC qua môi trường mạng.

- Từng bước triển khai các dịch vụ xây dựng đô thị thông minh phù hợp điều kiện của tỉnh, ưu tiên triển khai trước các dịch vụ: giao thông đô thị, môi trường, du lịch, y tế, giáo dục,...

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Hoàn thành xác định cấp độ và tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. (Lưu ý: thực hiện xác định cấp độ trong quá trình xây dựng mới hoặc nâng cấp hệ thống thông tin theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ).

- Duy trì và phát triển hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp (Kiện toàn lực lượng tại chỗ; Lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng, mức độ giám sát và

bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin của cơ quan. Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (nhất là TCVN 11930:2017) vào hoạt động của cơ quan.

- Tiếp tục triển khai và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp cho các hệ thống dùng chung của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Duy trì và nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang, kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu với trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục an toàn thông tin)

- Định kỳ hàng năm tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tham gia các khóa bồi dưỡng về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố máy tính tỉnh Kiên Giang; tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo cơ quan nhà nước các cấp về phát triển Chính quyền số.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho Đội ứng cứu sự cố máy tính tỉnh Kiên Giang; cho các cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

- Tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính quyền điện tử, Chính phủ điện tử.

- Cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn an toàn, an ninh thông tin và diễn tập ứng cứu sự cố do Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

V. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tuyên truyền, quảng bá, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh khai thác, ứng dụng CNTT, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính quyền số.

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp để quảng bá thông tin, tăng cường sự tham gia, góp ý của người dân trong các hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước.

- Tuyên truyền người dân thường xuyên sử dụng điện thoại thông minh để có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, như: Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh Kiên Giang; tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích;...

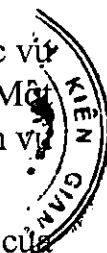
- Duy trì và hoàn thiện Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; Thuê giám sát an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp cho các hệ thống dùng chung của tỉnh; Thuê đường truyền mạng số liệu chuyên dùng cho các hệ thống dùng chung của tỉnh.

- Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh nhằm triển khai các dịch vụ Chính quyền số thuận lợi.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tăng cường nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm CNTT phục vụ xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API)... trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hợp tác, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền điện tử với các tỉnh xếp hạng cao về Chính quyền điện tử, bảo đảm có trọng tâm, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng.



4. Thu hút nguồn lực CNTT

- Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử trong bộ máy nhà nước. Tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số;...

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan để tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh/Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính lập kế hoạch phân bổ kinh phí về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, theo quy định.

- Tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng các chương trình, chính sách thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT và truyền thông; phát triển giao dịch điện tử, chương trình phát triển hạ tầng viễn thông và Internet; sơ kết đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm và tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vào năm kết thúc.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các ứng dụng dùng chung, chuyên ngành, các HTTT trong nội bộ tỉnh thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh (LGSP); triển khai kết nối với hệ thống kết nối quốc gia (NGSP); thực hiện liên thông các HTTT giữa các Bộ, ngành.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước.

- Nghiên cứu, đề xuất các phương án nâng cao hiệu quả sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.



- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước về ứng dụng và phát triển CNTT.

- Triển khai công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; Các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ triển khai Chính quyền điện tử/Chính quyền số trong các hoạt động ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước thuộc tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài chính bố trí vốn cho các chương trình, dự án CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai kế hoạch, dự án đảm bảo đúng tiến độ.

3. Sở Tài chính

- Đảm bảo cân đối kinh phí sự nghiệp cho các dự án, hạng mục đầu tư ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước theo kế hoạch được duyệt, đảm bảo đủ kinh phí, phù hợp tiến độ. Ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện bố trí kinh phí theo hình thức thuê dịch vụ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và trình ban hành các văn bản, quy định về tài chính phù hợp với đặc thù ứng dụng CNTT, bảo đảm kinh phí thường xuyên cho ứng dụng CNTT.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính. Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện ứng dụng CNTT trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo phụ trách CNTT các cấp; xây dựng các chương trình nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về CNTT và khai thác thông tin trên Internet cho các cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các ban, ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng, phát triển CNTT trong nghiên cứu ứng dụng triển khai các đề tài các đề tài, dự án khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm CNTT phục vụ Chính quyền điện tử/Chính quyền số của tỉnh.

6. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chủ động tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng 2022, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đã đặt ra.

- Người đứng đầu cơ quan, Thủ trưởng các đơn vị quan tâm, quyết liệt chỉ đạo hơn nữa việc ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, đặc biệt gắn việc ứng dụng CNTT với thực hiện cải cách hành chính.

- Chủ động tổ chức các cuộc họp giao ban trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh. Phối hợp triển khai và sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT của đơn vị; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./

Đura

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu VT. ltram.



Nguyễn Lưu Trung

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số: 249 /KH-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kinh phí
I	Hạ tầng công nghệ thông tin			9000
1	Đầu tư, thay thế thiết bị tường lửa đảm bảo an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		5200
2	Nâng cấp phiên bản nền tảng Cổng thông tin điện tử và Thư điện tử công vụ tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		3200
3	Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ tại Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ		300
4	Nâng cấp hệ thống mạng nội bộ tại Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường		300
II	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước			2100
1	Lập Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm Văn phòng điện tử tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	100
2	Triển khai hệ thống Camera giám sát an ninh trên địa bàn xã đảo Tiên Hải, Thành phố Hà Tiên	UBND Thành phố Hà Tiên	Sở Thông tin và Truyền thông	1200
3	Triển khai hệ thống phần mềm quản lý dữ liệu về đầu tư công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Sở Kế hoạch và Đầu tư		600
4	Lập đề cương và dự toán chi tiết Nâng cấp phần mềm Thư viện điện tử, Thư viện số	Sở Văn hóa và Thể thao		100
5	Lập đề cương và dự toán chi tiết Triển khai hệ thống thông tin quản lý truy xuất nguồn gốc tỉnh Kiên Giang	Sở Khoa học và Công nghệ		100

TT	Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kinh phí
III	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp			3700
1	Tích hợp chữ ký số chuyên dùng trên Cổng dịch vụ công và hệ thống Một cửa điện tử tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	900
2	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Chuẩn hóa, cập nhật thủ tục hành chính và tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên Cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang và đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	300
3	Nâng cấp, hoàn thiện quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai và tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trên Cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang và Cổng dịch vụ công Quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài nguyên và Môi trường	2000
4	Xây dựng Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Kiên Giang	Sở Tư pháp		250
5	Triển khai Nâng cấp Cổng thông tin lao động – việc làm và đào tạo nghề tỉnh Kiên Giang	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		250
IV	An toàn thông tin			500
1	Thuê kiểm tra, đánh giá độc lập về an toàn thông tin của các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		500
V	Các hoạt động sự nghiệp công nghệ thông tin khác			5700
1	Tập huấn, hướng dẫn sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		200
2	Hội thảo an toàn thông tin trong Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		100
3	Hội nghị, tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		200

TT	Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Kinh phí
4	Tuyên truyền đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin triển khai Chính quyền điện tử, Chính quyền số	Sở Thông tin và Truyền thông		400
5	Vận hành, bảo trì bảo dưỡng các hệ thống thông tin dùng chung tỉnh Kiên Giang	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	3500
6	Kinh phí hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang	Sở Thông tin và Truyền thông		450
7	Hội thi Tin học trẻ tỉnh Kiên Giang	Tỉnh Đoàn Kiên Giang		200
8	Kinh phí hoạt động sự nghiệp công nghệ thông tin của Ban Chỉ đạo Chính quyền Chuyển đổi số tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Ban Chỉ đạo CDS, Sở TT&TT		650
Tổng cộng				21000